

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14-11-2019

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Liêm và bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đào Thị H**, sinh năm 1990;

ĐKHKTT: thôn T, xã P, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

Chỗ ở hiện nay: thôn T, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Văn B**, sinh năm 1989;

ĐKHKTT: thôn T, xã P, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964.

ĐKHKTT: thôn T, xã P, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965.

Trú quán: thôn T, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

Chị H, anh B có mặt; bà S, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 17/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã H một thời gian thì chuyển về thôn TKH (nay là thôn T), xã P sinh sống, vợ chồng hạnh phúc, hoà thuận

đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B nghiện ma túy, mặc dù gia đình đã động viên và tìm mọi cách để anh B cai nghiện nhưng anh B ngày càng dần sâu vào con đường nghiện, làm được ra bao nhiêu đều mua ma túy về sử dụng, thậm chí còn mang cả tài sản gia đình đi bán, cầm cố lấy tiền mua ma túy. Đầu tháng 6/2016, anh B bị bắt và bị kết án về tội mua bán trái phép chất ma túy và bị tuyên phạt tù giam. Quá trình chấp hành án tại trại giam, chị thường xuyên thăm gặp, động viên để anh B quyết tâm cai nghiện, từ bỏ ma túy, nhưng sau khi ra trại, anh B vẫn chứng nào tật ấy, không chịu làm ăn, liên tục lừa dối chị lấy tiền mua ma túy. Không thể chịu đựng được nên tháng 4/2019, chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Lê Văn B trình bày:* Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như **chị H** đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh ham chơi, mắc vào tệ nạn xã hội, nghiện ma túy và bị kết án tù giam. Sau khi ra trại về địa phương tháng 6/2018, chị H có nhiều thay đổi, lạnh nhạt, xa lánh anh. Từ tháng 4/2019, chị H đưa con về nhà mẹ đẻ, vợ chồng ly thân cho đến nay. Mặc dù anh đã cố gắng rất nhiều nhưng vẫn không làm hài lòng chị H, thời gian ly thân, anh đã nhiều lần sang tìm gặp, nói chuyện nhưng chị H đều trốn tránh, gọi điện không nghe hoặc có nghe nhưng chị H đều có những lời nói xúc phạm nên anh không tìm gặp chị H nữa. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định không bỏ vợ con, không muốn gia đình tan vỡ. Trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn, anh nhất trí với điều kiện chị H không được trực tiếp nuôi con và mang con anh đi.

- Về con chung: Chị H, anh B đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Phương A, sinh ngày 12/11/2014, hiện đang ở với chị H. Chị H xin được nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân, có mức thu nhập ổn định 8 triệu đồng/tháng. Anh B cũng xin được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con, anh không nhất trí giao con cho chị H nuôi dưỡng vì chị H đi làm xa ở Hải Phòng, đi sớm, về muộn, không có thời gian chăm sóc con. Hiện anh làm nghề tự do, anh đang ở cùng mẹ đẻ, nhà cửa rộng rãi, mẹ anh còn khỏe, có thể hỗ trợ anh về chỗ ở và nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã P, đại diện Hội Liên hiệp Phụ nữ và Cán bộ lao động thương binh xã hội xã P để xác minh tình trạng hôn nhân của anh B, chị H đều được cung cấp: Năm 2014, anh B, chị H chuyển đến địa phương sinh sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B chơi bời, mắc tệ nạn xã hội và vi phạm

pháp luật, đã bị kết án tù giam về tội phạm ma túy. Sau khi anh B chấp hành án xong về địa phương, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian ngắn, đến tháng 4/2019 chị H đưa con về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh B và xin được nuôi con. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của chị H và giao con cho chị H nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho con chung.

Bà Nguyễn Thị S (mẹ đẻ anh B) trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như quá trình mâu thuẫn vợ chồng như anh B, chị H đã trình bày là đúng. Quá trình anh B đi chấp hành án tại trại giam, tình cảm vợ chồng chị H, anh B có nhiều thay đổi, khi chấp hành án xong về địa phương, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau. Sau khi chị H đưa con về nhà mẹ đẻ ở, nhiều lần bà và anh B có xuống tìm chị H về đoàn tụ nhưng chị H không nhất trí. Bản thân bà không muốn các con ly hôn, tuy nhiên nếu chị H cương quyết ly hôn anh B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án giao con cho anh B nuôi dưỡng, bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ anh B nuôi con với điều kiện tốt nhất.

Bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ chị H) xác định quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh B có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B chơi bời, không tu chí làm ăn, nghiện ma túy và bị kết án tù giam. Chị H cũng kiên trì, động viên khuyên giải với mong muốn sau khi ra tù, anh B sẽ thay đổi quyết tâm cai nghiện, nhưng anh B vẫn chứng nào tật ấy, nhà có bao nhiêu đồ đạc đều bán hết lấy tiền mua ma túy, chị H có khuyên bảo thì anh B chửi mắng, gây sự. Từ tháng 4/2019, chị H đã đưa con về ở với bà, mẹ con anh B có đến tìm nhưng chị H cương quyết không về đoàn tụ. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án giao cho chị H nuôi dưỡng, bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ chị H trong việc nuôi con với những điều kiện tốt nhất để chị H yên tâm đi làm.

Tại phiên tòa, chị H, anh B vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đào Thị H được ly hôn anh Lê Văn B; Về con chung: Giao cho chị Đào Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Phương A, sinh ngày 12/11/2014 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H, anh B không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Lê Văn B kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tứ Kỳ ngày 17/01/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B không tu chí làm ăn, nghiện ma túy và bị kết án, sau khi ra trại vẫn không thay đổi. Mặc dù anh B không đồng ý ly hôn, tuy nhiên chính anh B cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh mãi chơi, mắc vào tệ nạn ma túy và bị kết án tù giam. Sau khi ra trại, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 8 tháng, nhưng tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, xa cách. Chị H đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 4/2019, anh B và gia đình nhiều lần sang tìm nhưng chị H cương quyết không về đoàn tụ. Việc anh B đưa ra quan điểm sẽ đồng ý ly hôn chị H với điều kiện chị H không được nuôi con là không chính đáng, bản thân anh B cũng không có giải pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, chị H vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh B là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Phương A, sinh ngày 12/11/2014, hiện đang ở với chị H. Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của chị H, anh B đều chính đáng. Tuy nhiên, để xem xét giao con cho ai nuôi dưỡng, cần xem xét một cách khách quan, toàn diện, tất cả vì lợi ích của con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Phương A đã được chị H chăm sóc từ bé đến nay, có cuộc sống ổn định, mặc dù cháu đã trên 36 tháng tuổi nhưng vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Hiện chị H làm công nhân, có mức thu nhập ổn định 8 triệu đồng/tháng, mẹ chị H cam kết tạo điều kiện về chỗ ở và sẽ hỗ trợ chị H trong việc nuôi con, chị H không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, lời khai của anh B thừa nhận, bản thân mắc tệ nạn xã hội. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, HĐXX giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Phương A cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H, anh B không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đào Thị H khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị H được ly hôn anh Lê Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung Lê Phương A, sinh ngày 12/11/2014 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đào Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0005247 ngày 11/9/2019.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã P, huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã C, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân